**Thu hồi tài sản trong Luật phòng chống tham nhũng của Indonesia**

 PGS. TS. Go Lisanawati[[1]](#footnote-1)\*

Khoa Luật, Đại học Surabaya

*Tham nhũng ở Indonesia đang ngày càng nghiêm trọng và vi phạm các quyền công dân về xã hội, kinh tế và chính trị bất chấp thiệt hại về tài chính và kinh tế. Tham nhũng phổ biến, đe dọa và gây nguy hiểm cho các quốc gia. Điều này đã cảnh báo Indonesia bắt đầu quan tâm để giải quyết tham nhũng, nước này cần sử dụng tất cả các biện pháp đặc biệt. Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (Corruption Perception Index) 2019 của Indonesia xếp Indonesia vào hạng 85 trong số 180 quốc gia, với số điểm 40/100. Tham nhũng vẫn là một tội phạm nghiêm trọng ở Indonesia. Mặc dù Indonesia đã đưa ra một số phương pháp được coi là các biện pháp đặc biệt, chẳng hạn như sự tồn tại của Ủy ban Xóa bỏ Tham nhũng (Corruption Eradication Commission) như một cơ quan đầu mối trong việc xóa bỏ tham nhũng, việc thành lập tòa án đặc biệt về tham nhũng thông qua Luật số 46 năm 2009 về trách nhiệm chứng minh phải thuộc về bị can, cụ thể như tiền boa, báo cáo tài sản của công chức (được gọi là LHKPN). Luật phòng chống tham nhũng của Indonesia không đưa ra cơ chế thu hồi tài sản cụ thể theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (còn gọi là UNCAC), mà quy định ngầm trong luật. Indonesia đã có Hệ thống thu hồi tài sản tích hợp (IARS) nhưng đối với tài sản phạm tội nói chung, như được quy định trong Quy chế khởi tố số 9 năm 2019 liên quan đến việc sửa đổi Quy chế khởi tố số 027 / A / JA / 10/2014 liên quan đến Hướng dẫn thu hồi tài sản. Việc thực thi pháp luật lý tưởng đối với tội phạm kinh tế và tội phạm đa tổ chức không chỉ trừng phạt người phạm tội mà còn trả lại tài sản của tội phạm và / hoặc liên quan đến tội phạm cho các bên có quyền. Có nghĩa là việc thực thi pháp luật về tham nhũng phải được đặt mục tiêu là phòng ngừa, xóa bỏ và thu hồi tài sản. Vì vậy, trong bối cảnh tham nhũng ở Indonesia, cơ quan thực thi pháp luật đã tuân theo cáo buộc chống rửa tiền đối với chính tài sản tội phạm bị tịch thu.*

***Từ khóa:*** *Tham nhũng, thu hồi tài sản, thực thi pháp luật, thách thức*

**Chế độ chống tham nhũng của Indonesia tuân thủ quan điểm của UNCAC**

Luật số 20 năm 2001 liên quan đến việc sửa đổi Luật số 31 năm 1999 không giải thích định ngh ĩa về hành vi tham nhũng. Định nghĩa pháp lý về tham nhũng có thể được tìm thấy trong Luật số 19 năm 2019 liên quan đến sửa đổi thứ hai của Luật số 30 năm 2002 liên quan đến Ủy ban xóa bỏ tham nhũng (còn gọi là Ủy ban xóa bỏ tham nhũng). Điều 1 số 1 của Luật Ủy ban Xóa bỏ Tham nhũng xác định rằng hành vi tham nhũng là một tội phạm như đã đề cập trong luật cơ bản về việc xóa bỏ tham nhũng. Điều đó có nghĩa là tham nhũng không có định nghĩa mà phải phân loại nhiều hơn các hành vi tham nhũng như đã đề cập trong luật cơ bản về tham nhũng. Điều 1 khoản 4 của Luật Phòng chống tham nhũng Ủy ban giải thích rằng Xóa bỏ tham nhũng là một tập hợp các hoạt động nhằm ngăn chặn và xóa bỏ việc xảy ra tham nhũng thông qua việc phối hợp, giám sát, theo dõi, sơ bộ, điều tra, truy tố, kiểm tra trong quá trình tố tụng. tham gia theo quy định của pháp luật và các quy định. Do đó, theo luật về Ủy ban xóa bỏ tham nhũng, việc xóa bỏ tham nhũng chưa phải là đưa bất kỳ hình thức tịch thu tài sản nào vào quá trình tự giải quyết tham nhũng. Tuy nhiên, luật cơ bản về tham nhũng đã được xây dựng trên quan điểm thu hồi tài sản.

Đo lường tham nhũng toàn cầu (Global Corruption Barometer)[[2]](#footnote-2) 2019 trong cuộc khảo sát đề cập rằng 65% người dân cho rằng tham nhũng ở Indonesia gia tăng trong 12 tháng trước và 24% người sử dụng dịch vụ công đã trả hối lộ trong 12 tháng trước đó. Dự án Công lý Thế giới (WJP)[[3]](#footnote-3) đã công bố các báo cáo về Nhà nước pháp quyền 2020, và đề cập rằng Indonesia đứng ở vị trí 59 trong số 128 quốc gia, với số điểm 0,53 trên thang điểm 0 - 1. Trong khi từ các cuộc khảo sát về tình trạng không có tham nhũng, Indonesia có số điểm 0,39 với thứ hạng 92 trên 128 quốc gia. Indonesia có số điểm 0,55 với hạng 49 trên 128 quốc gia và vùng lãnh thổ cho Chính phủ mở. Kết quả này cho thấy Indonesia cần quan tâm nhiều đến vấn đề nâng cấp hồ sơ về tình trạng không có tham nhũng ở Indonesia.

Có ba cơ quan được chỉ định là cơ quan điều tra các vụ án tham nhũng đó là Cảnh sát, Công tố viên và Ủy ban Xóa bỏ Tham nhũng (trọng tâm) và hai trong số đó được chỉ định là công tố viên của các vụ án là Công tố viên và Ủy ban Xóa bỏ Tham nhũng. Ủy ban được thành lập vào năm 2002 và là mũi nhọn trong việc trấn áp tội phạm tham nhũng.

Để tạo ra một hệ thống phòng chống tham nhũng hiệu quả, một quốc gia phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Luật và các quy định nội địa cần hòa hợp với các nguyên tắc và tiêu chuẩn quốc tế được cộng đồng quốc tế đưa ra. Indonesia đã phê chuẩn Công ước LHQ về Chống tham nhũng (UNCAC) từ năm 2006 thông qua Luật số 7 năm 2006 liên quan đến việc thông qua UNCAC. Qua đó, Indonesia là một trong số các quốc gia châu Á cam kết về mặt chính trị để xóa bỏ tham nhũng cùng với quốc tế. Tham nhũng về mặt bản chất là tội phạm lan rộng và có hệ thống. Nó đầu độc và làm nguy hại các trụ cột của đời sống kinh tế quốc gia. UNCAC là công ước quốc tế về tội phạm, thúc đẩy sự bình đẳng của các nguyên tắc tự trị, bình đẳng về quyền, sự liêm chính của lãnh thổ và không can thiệp vào nội vụ của các quốc gia như đã đề cập tại Điều 4 UNCAC. Chương V liên quan đến Thu hồi tài sản và Điều 31 liên quan đến việc đóng băng, bắt giữ và tịch thu đã trở thành một trong những quy định quan trọng nhất trong hệ thống phòng chống tham nhũng hiện này. UNCAC gợi ra liên kết giữa tham nhũng và các dạng tội phạm khác đặc biệt là tội phạm có tổ chức và tội phạm kinh tế, trong đó có tội phạm rửa tiền. Nhờ UNCAC, chúng ta hiểu được tác động của tham nhũng và cách tham nhũng tự liên kết với tội phạm có tổ chức và tội phạm kinh tế. Trong phần mở đầu, UNCAC chỉ ra các vụ án tham nhũng liên quan đến một lượng tài sản khổng lồ. Nó có thể là một lượng lớn ngân sách quốc gia. Tham nhũng đe dọa sự phát triển của Nhà nước.

UNCAC không chỉ là tiêu chuẩn quốc tế hoặc hướng dẫn mà còn được các quốc gia thành viên sử dụng như một công cụ để đạt được các mục đích trong Điều 1 (Tuyên bố mục đích) của Công ước này:

1. Thúc đẩy và tăng cường các biện pháp phòng và chống tham nhũng một cách hữu hiệu và hiệu quả hơn
2. Thúc đẩy, tạo điều kiện và hỗ trợ hợp tác quốc tế và trợ giúp kỹ thuật trong việc phòng và chống tham nhũng, kể cả việc thu hồi tài sản
3. Thúc đẩy sự liêm chính, chế độ trách nhiệm và việc quản lý đúng đắn công vụ và tài sản công.

Như đã giải thích ở trên, UNCAC có mục đích thúc đẩy bất cứ hình thức công cụ kiềm chế tham nhũng nào cũng như việc thực thi pháp luật hiệu quả để hỗ trợ công cụ đó.

Về vấn đề hình sự hóa, bảng bên dưới so sánh các quy định của Luật phòng chống tham nhũng Indonesia và UNCAC

**Bảng 1: So sánh việc hình sự hóa hành vi tham nhũng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Luật số 31 năm 1999 và Luật số 20 năm 2001** | **Công ước LHQ Chống tham nhũng (UNCAC)** |
| **Hành vi** | **Điều luật** | **Hành vi** | **Điều luật** |
| Thất thoát ngân sách nhà nước | Điều 2, 3 | Hối lộ công chức nhà nước | Điều 15 |
| Hối lộ | Điều 5.1.a, b; Điều 13, Điều 5.2; Điều 12.a, b; Điều 6.1.a, b; Điều 6.2; Điều 12.c, d | Hối lộ quan chức ngoại quốc và quan chức của tổ chức quốc tế | Điều 16 |
| Biển thủ | Điều 8; Điều 9; Điều 10.a, b, c | Biển thủ, lạm dụng hoặc các hành vi trái phép khác đối với tài sản của công chức | Điều 17 |
| Tống tiền | Từ Điều 12.e-g | Lạm dụng quyền hạn | Điều 18 |
| Gian lận | Điều 7.1.a-d; Điều 7.2; Điều 12.h | Lạm dụng chức vụ | Điều 19 |
| Xung đột lợi ích trong đấu thầu | Điều 12.i | Làm giàu trái phép | Điều 20 |
| Nhận tiền | Điều 12.b, c | Nhận hối lộ từ khối tư | Điều 21 |
| **Các tội phạm khác liên quan đến tham nhũng** | Tham ô tài sản của khối tư | Điều 22 |
| Hành vi | Điều luật | Rửa tài sản bất hợp pháp | Điều 23 |
| Cản trở việc thanh tra tham nhũng/tư pháp | Điều 21 | Che giấu | Điều 24 |
| Không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật | Điều 22 và Điều 28 | Cản trở tư pháp | Điều 25 |
| Ngân hàng không cung cấp thông tin tài khoản của nghi phạm  | Điều 22 và Điều 29 |  |
| Nhân chứng hoặc chuyên gia không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật | Điều 22 và Điều 35 |  |
| Người giữ thông tin mật của cơ quan không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật  | Điều 22 và Điều 36 |
| Nhân chứng công khai danh tính của người khiếu nại | Điều 24 và Điều 31 |

Hơn nữa, UNCAC đưa ra các cách thức mới trong hợp tác quốc tế mà luật nội địa nên ban hành ví dụ như việc chuyển giao người bị kết án (Điều 45), chuyển giao tài sản bất hợp pháp (Điều 47). Dựa vào bảng 1 phía trên, có thể hiểu được các điểm khác biệt trong quan điểm và việc nhấn mạnh vào hình sự hóa. Đặc điểm chính của tham nhũng ở Indonesia là sự xâm phạm Điều 2 và Điều 3. Hai điều luật này không thể thay thế hoặc loại bỏ để tuân thủ hoàn toàn UNCAC. Liên quan đến Điều 2 và Điều 3, tác giả Romli Atmasasmita[[4]](#footnote-4) giả thích như sau:

Điều 2 và Điều 3 Luật chống tham nhũng quy định về hành vi tham nhũng chân thực và Indonesia phải cụ thể hóa hình phạt không chỉ về mặt vật lý mà còn cả mặt kinh tế và xã hội mà dẫn đến cách tiếp cận “chi phí – lợi ích”. Do đó, Nhà nước sẽ không bị tổn hại và người phạm tội sẽ phải chịu hình phạt thích đáng nhưng vẫn duy trì được nền tư pháp vững chãi.

 Không nên có bất cứ một nghi ngờ nào về việc Điều 2 và Điều 3 sẽ được duy trì trong luật chống tham nhũng tương lai. Về vấn đề này, tác giả Muladi[[5]](#footnote-5) tái khẳng định mối liên hệ giữa việc hình sự hóa hành vi tham nhũng và Bộ luật Hình sự Indonesia:

1. Các tội phạm chính theo Luật số 20 năm 2001 tiếp đến là sự sửa đổi Luật 31 năm 1999 liên quan đến việc xóa bỏ tham nhũng, Điều 2 và Điều 3 của Luật chống tham nhũng
2. Mọi chuyên môn liên quan đến tham nhũng đều được áp dụng, cả hai đều liên hệ với luật hình sự và luật tố tụng hình sự trong khi…
3. Các thách thức sắp tới cần phải được thực thi để khôi phục Luật chống tham nhũng liên quan đến việc thông qua UNCAC năm 2003 thông qua Luật số 7 năm 2006.

Mặc dù cùng hành vi nhưng vẫn có sự khác biệt cơ bản giữa Điều 2 và Điều 3 Luật chống tham nhũng. Điều 2 quy định:

|  |  |
| --- | --- |
| Điều 2.1 | Điều 3 |
| Bất cứ ai làm giàu trái phép cho bản thân hoặc cho người khác hoặc doanh nghiệp; gây thất thoát ngân sách nhà nước hoặc thiệt hại nền kinh tế quốc gia thì bị phạt tù chung thân; phạt tù không dưới 4 năm và không vượt quá 20 năm; nộp phạt không dưới 200 triệu IDR và không vượt qua 1 tỷ IDR | Bất cứ ai làm giàu trái phép cho bản thân hoặc người khác hoặc doanh nghiệp; lạm dụng quyền hạn, cơ sở vật chất hoặc các công vụ khác theo cấp bậc hoặc chức vụ; gây thất thoát nền ngân sách nhà nước hoặc thiệt hại cho nền kinh tế quốc gia thì bị phạt từ chung thân; phạt từ không dưới 1 năm và không qua 20 năm và/hoặc nộp phạt không dưới 50 triệu IDR và 1 tỷ IDR |

Tại khoản 1 và 2 Điều 2, hình phạt có thể tăng nặng đến mức tử hình nếu hành vi tham nhũng được thực hiện trong một số hoàn cảnh như có thiên tai, tái phạm hoặc khủng hoảng kinh tế nhà nước.

 Ngày 18 tháng 1 năm 2020, tờ báo online Kompas[[6]](#footnote-6) đã phát hành một Info-graphic liên quan đến bảy vụ án tham nhũng lớn nhất của Indonesia.

1. Vụ án Jiwasraya. Ước tính ngân sách thất thoát khoảng 13.7 nghìn tỷ IDR. Sau khi tiến hành điều tra vào ngày 17 tháng 12 năm 2019, Văn phòng Tổng chưởng lý tuyên năm bị can là:
* Giám đốc điều hành PT. Hanson International Tbk: Benny Tjokorsaputro
* Cựu Giám đốc tài chính PT. Asuransi Jiwasraya: Harry Prasetyo
* Trưởng ban điều hành PT. Trada Alam Tbk: Hery Hidayat
* Cựu Giám đốc điều hành PT. Asurani Jiwasraya: Hendrisman Rahim
* Nhân viên nghỉ hưu của PT. Asurani Jiwasraya: Syahmirwan
1. Vụ án Century Bank. Nhà nước Indonesia thiệt hại 7 nghìn tỷ IDR. Một vài cái tên nổi bật trong vụ án là Budi Mulya, bị kết án 15 năm tù.
2. Vụ án Pelindo II. Cục Kiểm toán Nhà nước Indonesia báo cáo tổn thất đến từ vụ tham nhũng là 6 nghìn tỷ IDR, bao gồm bốn dự án. Cựu giám đốc điều hành PT. Pelindom, RJ Lino đã được xác định là bị can từ năm 2015.
3. Vụ án Kotawaringin Timur. Đây là vụ án tham nhũng lớn liên quan đến thành viên HĐQT Kotawaringin Timur, Supian Hadi gây thiệt hại cho ngân sách 5.8 nghìn tỷ IDR. Thành viên HĐQT lạm dụng quyền hạn để cho phép PT. Fajar Menyata Abadi, PT. Bily Indonesia, Pt. Aries Iron Mining kinh doanh trong giai đoạn 2010 – 2012
4. Vụ án BLBI (Bank Indonesia Liquidity Assistance) xảy ra vào khủng hoảng kinh tế tại Indonesia năm 2008. Theo tính toán của Cục Kiểm toán Nhà nước Indonesia, ngân sách thiệt hại 4.58 nghìn tỷ IDR.
5. Vụ án E-KTP đã gây thất thoát 2.3 nghìn tỷ IDR theo Cục Kiểm toán Nhà nước Indonesia. Vụ án liên quan đến các chính trị gia cấp cao, Cựu Đại biểu QUốc hội, Setyo Novanto, Andi Narongong và Irman Gusman.
6. Vụ án Hambalang xảy ra vào thời kỳ lãnh đạo của cựu Tổng thống. Theo Cục Kiểm toán Nhà nước Indonesia, vụ án gây thiệt hại 706 tỷ IDR. Một vài chính trị gia quan trọng có dính líu như cựu Đại biểu Đảng Dân chủ; cựu thủ quỹ của Đảng Dân chủ; cựu bộ trưởng và một thành viên Đại biểu Quốc hội đến từ Đảng Dân chủ.

Như số liệu chúng ta đã thấy, những vụ tham nhũng nghiêm trọng gây thất thoát ngân sách nhà nước đến hàng nghìn tỷ IDR. Tham nhũng liên quan đến chính quyền trung ương và địa phương, tạo ra thiệt hại cho quốc gia. Có một vài khó khăn trong việc ước tính tổng thiệt hại của ngân sách nhà nước. Ví dụ trong vụ án Pelindo II, bắt đầu điều tra từ năm 2015, Ủy ban Xóa bỏ Tham nhũng gặp khó khăn vì thẩm quyền của Chính phủ Trung Quốc không cho phép Ủy ban truy cập dữ liệu của QCC do công ty Wuxi Huangdong Heavy Machinery hoạt động tại Trung Quốc. Bị can trong vụ án là cựu giám đốc điều hành của Pelindo II, Richard Joost Lino (RJ Lino) và một số người khác.

Điều 4 Luật chống tham nhũng quy định:

*Bồi thường thiệt hại ngân sách nhà nước và nền kinh tế không bãi bỏ hình phạt của thủ phạm có hành vi tham nhũng theo Điều 2, Điều 3.*

 Như vậy, Điều 4 lý giải tầm quan trọng của việc bồi thường thiệt hại do người tham nhũng gây ra trong quá trình nhận hình phạt. Nghĩa là việc thủ phạm bồi thường chỉ tác động đến thẩm phán xem xét việc bồi thường đó như một tình tiết giảm nhẹ hình phạt chứ không được miễn. Theo Romli Atmasasmita, Điều 2 và Điều 3 cùng với chiến lược UNCAC năm 2003 về thu hồi và xóa bỏ tài sản.[[7]](#footnote-7) Điều 4 đi ngược lại tính chủ quan của việc thu hồi tài sản tham nhũng và chiến lược phòng ngừa bởi vì sẽ không có nghi phạm muốn hoàn trả tài sản khi bị khởi tố và xét xử.[[8]](#footnote-8) Phân tích về Điều 4 ở trên là logic nhưng có thể chưa logic khi đặt vào động cơ một người ăn cắp tiền của người khác, họ phải hoàn trả hoặc bồi thường cũng như phải bị trừng phạt như một biện pháp trấn áp. Tuy nhiên, biện pháp có thể được thẩm phán sử dụng để khoan hồng cho người phạm tội. Điều 4 có thể được sử dụng để tạo ra một cơ chế đảm bảo tài sản thất thoát của Nhà nước được hoàn trả cho Nhà nước.

**Các quy định về thu hồi tài sản trong vụ án tham nhũng**

Xóa bỏ tham nhũng cần tập trung vào ba lĩnh vực, đó là phòng ngừa, xóa bỏ và thu hồi tài sản. Tham nhũng là một tội phạm nghiêm trọng với tác động lớn lên xã hội, không chỉ trong nước mà còn đe dọa các quốc gia khác. Ngoài ra, tham nhũng không chỉ là một hiện tượng địa phương mà là tội phạm đa quốc gia. Cần có hệ thống thu hồi tài sản hiệu quả. Sự phát triển này không chỉ tập trung vào các nỗ lực phòng ngừa và xóa bỏ đối với người tham nhũng bị trừng phạt mà còn tác động đến việc thu hồi tài sản thất thoát cho nhà nước. Quan niệm không chỉ sử dụng cách tiếp cận “theo sát người phạm tội/thủ phạm” mà còn phải “theo sát dòng tiền.” Thành công trong việc hoàn trả tài sản tham nhũng sẽ là thành tựu trong việc trừng phạt thủ phạm. Vì quá trình thu hồi tài sản thất thoát về Nhà nước không dễ dàng, thủ phạm có những vỏ bọc tinh xảo để che giấu hoặc rửa tiền có được từ hành vi tham nhũng.

Ban giám sát Tham nhũng Indonesia (Indonesian Corruption Watch) giải thích thành công của hình phạt đối với tội phạm tham nhũng thể hiện ở hai thứ sau: (i) lượng tài sản tham nhũng được thu hồi về Indonesia; (ii) Việc kết án nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng của thẩm phán. Ban giám sát Tham nhũng Indonesia trong báo cáo của mình đề cập đến lượng tài sản tham nhũng từ ngân sách nhà nước năm 2019 khoảng 12 nghìn tỷ IDR nhưng hình phạt tiền chỉ 748.1 tỷ IDR[[9]](#footnote-9).

Báo cáo đầu năm của Ủy ban Xóa bỏ Tham nhũng Indonesia[[10]](#footnote-10) nhận định từ những nỗ lực ngăn chặn, Ủy ban đã đóng góp vào lợi nhuận miễn thuế. Một trong những nỗ lực đó là thu hồi tài sản tham nhũng. Ủy ban đã thành công trong việc thu hồi tài sản từ nước ngoài lần đầu. Ủy ban đang phát triển hợp tác quốc tế với Cục Điều tra Tham nhũng (CPIB) của Singapore. Thu hồi tài sản khoảng 200.000 SDG từ Singapore về Indonesia vào ngày 17 tháng 6 năm 2019. Hơn nữa, Ủy ban báo cáo rằng có một vài hành vi được thực hiện để thu hồi tài sản tham nhũng từ ngân sách như info-graphic dưới đây

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | Lượng tiền (IDR) |
| **Nhận tiền**Tiền hối lộ được Ủy ban Xóa bỏ Tham nhũng xác định sẽ được sung công |  | 3.3 Tỷ |
| **Tài sản bị tịch thu*** Tiền tham nhũng bị tịch thu theo quyết định của Tòa án
* Tiền bị tịch thu từ tội phạm rửa tiền theo quyết định của Tòa án
 |  | 173.67 Tỷ |
| **Tiền dưới dạng khác**Tiền dưới dạng khác theo quyết định của Tòa án |  | 121.9 Tỷ |
| **Lợi nhuận từ đấu giá** |
| Lợi nhuận từ đấu giá tiền bẩn |  | 43.6 Tỷ |
| Lợi nhuận đấu giá tham nhũng |  | 3.2 Tỷ |
| Hình phạt từ tiền tham nhũng |  | 17.8 Tỷ |
| Tổng | 363.47 Tỷ |

 Báo cáo của một trong ba cơ quan được chỉ định chống tham nhũng theo luật định ở Indonesia. Tổng tài sản được Ủy ban Xóa bỏ Tham nhũng thu hồi phía trên với thấp hơn thiệt hại ngân sách nhà nước của Indonesia. Vì vậy, các biện pháp cần phải được tối ưu hóa hơn nữa.

 Luật chống tham nhũng Indonesia đưa ra cơ chế hoặc thủ tục thu hồi tài sản theo phương thức hình sự hoặc dân sự. Indonesia đã phê chuẩn UNCAC thông qua Luật số 7 năm 2006 để thông qua UNCAC năm 2003 theo các quy phạm của UNCAC. Đó là tài sản thu hồi có thể được thực hiện thông qua con đường dân sự - trực tiếp thu hồi tài sản hoặc theo con đường hình sự - gián tiếp thu hồi tài sản. UCNAC đưa ra cơ chế thu hồi tài sản có thể được thực thi trực tiếp từ quyết định của tòa án dựa trên hệ thống “thỏa thuận bào chữa” (negotiation plea/plea bargaining) hoặc thông qua con đường gián tiếp sử dụng quy trình tịch thu tài sản theo quyết định của tòa án. Mỗi mô hình thu hồi tài sản tham nhũng ở Indonesia sẽ được thảo luận phía dưới.

 Theo quy trình dân sự thu hồi tài sản, Oliver Stolpe, được Rustam trích dẫn[[11]](#footnote-11), giải thích như sau:

 Những quốc gia như Ý, Ireland và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đưa ra một số điều kiện không đổi về khả năng tịch thu tài sản dân sự hoặc phòng ngừa. Không như việc thu hồi của luật hình sự, các luật về tịch thu không đòi hỏi chứng cứ về nguồn gốc bất hợp phát “dựa trên sự nghi ngờ thích đáng.” Thay vào đó, họ coi nghĩa vụ chứng minh thuộc về chủ tài sản khi không chứng minh được nguồn gốc tài sản.

Theo định nghĩa đó, thu hồi tài sản là một loại các hoạt động bao gồm quá trình theo dấu, phong tỏa, bắt giữ, tịch thu và hoàn trả tài sản bất hợp pháp và tài sản của Nhà nước hoặc bên liên quan (tham khảo Quy định chung của Tổng chưởng lý số 006/A/JA/3/2014 liên quan đến Chỉ đạo thu hồi tài sản). Toàn bộ quá trình hoặc hoạt động thu hồi tài sản là một phần của Hệ thống Thu hồi tài sản Liêm chính (IARS). Ngoài ra, Chỉ thị cũng quy định về bảo vệ tài sản. trong quy định này, Tổng chương lý là một trong các bên của Trung tâm thuộc Hệ thống Tư pháp Hình sự có quyền cưỡng đoạt tài sản nhà nước.

 Thu hồi tài sản thực chất bao gồm toàn bộ quá trình hoặc hành vi qua con đường dân sự hoặc hình sự gồm truy dấu, đóng băng và tịch thu tài sản tham nhũng. Đối với luật hình sự, một trong những quá trình thu hồi tài sản có thể được thực hiện bởi bị can, trước hết là tước đoạt tài sản (được gọi là tịch thu dựa trên kết án). Hơn nữa, có thể được xử lý theo luật hình sự về tội danh đã được xác định và tội phạm rửa tiền (Điều 75 Luật chống rửa tiền Indonesia).

 Dựa trên các luật sẵn có, Indonesia chưa có một luật cụ thể về thu hồi tài sản mặc dù quá trình này có thể được thực thi theo cơ chế hình sự:

* Tịch thu dựa trên kết tội (bị can bị kết án trước rồi mới tịch thu tài sản)
* Tịch thu không dựa trên kết tội. Ví dụ, Điều 67 Luật chống rửa tiền Indonesia quy định không cần kết án bị can trước. Điều 67 quy định như sau:
1. Nếu không có cá nhan hoặc bên thứ ba nào phản đối trong vòng 20 ngày kể từ ngày tạm thời tạm ngừng giao dịch, INTRAC xử lý tài sản và báo cáo cho điều tra viên để tiến hành điều tra.
2. Nếu người được cho là thủ phạm chưa được xác định trong vòng 30 ngày, điều tra viên có thể đề nghị tòa án địa phương quyết định tài sản là tài sản nhà nước hoặc hoàn trả cho người có thẩm quyền.
3. Tòa án theo Khoản 2 quyết định trong vòng 7 ngày.

Điều luật cụ thể hơn Quy định số 1 năm 2013 của Tòa án Tối cao liên quan đến thủ tục xử lý tài sản TPPU và Thư báo số 3 năm 2013 của Tòa án Tối cao liên quan đến Hướng dẫn xử lý tái ản: Thủ tục xử lý tài sản ở TPPU và các tội phạm khác.

 Như đã giải thích trước đó, việc thực thi pháp luật lý tưởng là trừng phạt người phạm tội và hoàn trả tài sản về các bên liên quan. Việc thực thi pháp luật không nên tập trung vào “theo sát người phạm tội” mà để lọt tái ản nhưng cũng phải cân bằng giữa hai yếu tố này. Nỗ lực giải cứu ngân sách quốc gia là một trong những bước quan trọng để hồi phục nền kinh tế và ngân sách quốc gia cũng như trừng phạt thủ phạm tham nhũng. Do dó, trong Luật chống rửa tiền Indonesia (Luật số 8 năm 2010), Điều 75 có thể được áp dụng để cân bằng giữa việc truy đuổi người phạm tội và tái sản:

*Nếu điều tra viên thu thập đủ chứng cứ ban đầu về sự hiện diện của tội phạm rửa tiền hoặc nguồn gốc tội phạm, điều tra viên tổng hợp thông tin về tội phạm rửa tiền và nguồn gốc tội phạm, phối hợp với Trung tâm Phân tích và Báo cáo Giao dịch (INTRAC).*

 Qua Điều luật này, có thể tối đa hóa tội phạm đã được xác định và tội phạm rửa tiền. Hầu hết vụ án tham nhũng đều có trách nhiệm rửa tiền trong việc xử lý thu hồi tài sản.

 Như vậy, hệ thống thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng áp dụng Luật chống tham nhũng và chống rửa tiền, qua con đường truy cứu trách nhiệm hình sự và khởi kiện dân sự.

 Toàn bộ quá trình thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng được M. Yusuf[[12]](#footnote-12) (cựu lãnh đạo INTRAC) như sau:



Preliminary

Investigation

Prosecution

Inkracht

Execution

Art 28, 29

Art 37A

Art 33, 34

Art 38B

Art 38C

TRACING

RECOVERY

Điều 28 Luật chống tham nhũng quy định:

*Vì lợi ích của quá trình điều tra, nghi phạm phải cung cấp lời khai về toàn bộ tài sản của mình và của vợ/chồng, con cũng như những người khác của doanh nghiệp bị nghi ngờ liên quan đến hành vi tham nhũng nghi phạm thực hiện.*

Điều luật nhấn mạnh vào nghĩa vụ cung cấp lời khai của nghi phạm về tài sản của mình và của những cá nhân, doanh nghiệp liên quan. Điều 29.1 Luật chống tham nhũng Indonesia quy định:

*Vì mục đích điều tra, khởi tố hoặc hầu tòa, điều tra viên, công tố viên hoặc thẩm phán có thẩm quyền yêu cầu lời khai của ngân hàng về điều kiện kinh tế của nghi phạm hoặc bị cáo.*

Dựa trên Điều luật này, quá trình điều tra sơ bộ đã được thực hiện bằng cách thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn, bắt đầu từ việc yêu cầu lời khai của ngân hàng liên quan đến điều kiện kinh tế của người phạm tội. Ngoài ra Điều 29.2, 3 giải thích về yêu cầu cung cấp thông tin cần đệ trình lên Thống đốc Ngân hàng Indonesia theo luật định. Sau khi nhận được yêu cầu, Thống đốc Ngân hàng có nghĩa vụ cung cấp các văn bản được yêu cầu không chậm hơn 3 ngày làm việc. Điều tra viên, công tố viên hoặc thẩm phán có thể yêu cầu các ngân hàng đóng băng bất cứ tài sản nào liên quan đến nghi phạm hoặc bị cáo nếu nghi ngờ tài khoản có tài sản tham nhũng (Điều 29.4). Nếu thẩm tra nghi phạm hoặc bị can không đưa ra đủ chứng cứ thích đáng, căn cứ theo yêu cầu của điều tra viên, công tố viên hoặc thẩm phán, ngân hàng cũng thu hồi lệnh đóng băng (Điều 29.5). Quy trình có thể được gọi là tiền thu hồi tài sản.

Điều 37.A.1 Luật chống tham nhũng đưa ra khuôn khổ truy dấu tài sản như sau:

*Bị cáo được yêu cầu cung cấp thông tin về toàn bộ tài sản của mình và của vợ/chồng, con cũng như của các cá nhân và doanh nghiệp được cho là có liên hệ với bị cáo trong vụ án.*

Cùng với Điều 37.A.2, nếu bị cáo không thể chứng minh được tính tương xứng của tài sản với thu nhập của bị cáo hoặc bất cứ khoản thu nhập phụ thêm nào thì đây sẽ là chứng cứ được củng cố về việc bị cáo đã thực hiện tội phạm.

Những điều luật này đã và đang được áp dụng như biện pháp đặc biệt thông qua việc đảo ngược nghĩa vụ chứng minh. Vì tội phạm tham nhũng được biết đến là một trong những tội phạm rất khó chứng minh nên cần phải có sự đột phá để tối ưu hóa việc xóa bỏ tham nhũng mà không đi ngược lại các nguyên tắc như suy đoán vô tội. Điều này được quy định tại Điều 37.A.3, công tố viên có nghĩa vụ chứng minh buộc tội (quy định cụ thể tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Luật số 31 năm 1999 và Điều 5 đến Điều 12 Luật số 20 năm 2001).

Điều 37A có mục đích tịch thu tài sản tham nhũng của bị cáo và bị cáo không có quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản đó trừ khi chứng minh được nguồn gốc hợp pháp.

Sau khi truy dấu tài sản, quy trình sẽ tiến đến thu hồi tài sản tại một số Điều trong Luật chống tham nhũng. Đối với giai đoạn điều tra, Điều 33 và Điều 34 mô tả quá trình chi tiết. Điều 33 quy định như sau:

*Nếu nghi phạm chết tại thời điểm điều tra trong khi ngân sách nhà nước đã bị thiệt hại, điều tra viên sẽ đệ trình hồ sơ vụ án do công tố viên/chưởng lý khởi tố hoặc cơ quan phải chịu thiệt hại để khởi kiện dân sự đối với những người thừa kế.*

Điều 34 quy định như sau:

*Trường hợp bị can chết vào thời điểm bị thẩm định trong phiên toà mà ngân sách nhà nước đã bị thất thoát thì công tố viên nộp ngay bản sao của báo cáo chính thức về phiên toà cho cơ quan phải chịu gánh nặng chính để nộp đơn kiện dân sự đối với những người thừa kế.*

Điều 38B Luật chống tham nhũng đã chỉ định một trong các biện pháp đặc biệt. Điều 32 Luật chống tham nhũng quy định về thu hồi tài sản thông qua con đường tố tụng dân sự cụ thể thời điểm không có đủ chứng cứ về một hoặc nhiều hơn các yếu tố của vụ án tham nhũng. Tuy nhiên nếu điều tra viên tin rằng ngân sách nhà nước bị tổn thất thì điều tra viên sẽ chuyển hồ sơ điều tra công tố viên và chưởng lý để khởi kiện dân sự hoặc cho cơ quan bị hại để đệ trình một vụ kiện (Điều 32 Luật chống tham nhũng Indonesia). Có một vài chỉ trích về việc Điều luật này tạo ra vấn đề. Tác giả Rustam[[13]](#footnote-13) nhận định rằng một trong những vấn đề căn bản là vị thế không rõ ràng của người bị kiện sẽ là người phạm tội, nghi phạm hay bị cáo. Hơn nữa, Điều 38.C Luật chống tham nhũng Indonesia quy định như sau:

*Nếu Tòa án ra quyết định đã được củng cố về mặt pháp lý và khẳng định tài sản hiện có của người bị kết án là tài sản tham nhũng mà chưa bị tịch thu về nhà nước thì sẽ áp dụng Điều 38.B.2, Nhà nước sẽ khởi kiện dân sự đối với người bị kết án và người có quyền sở hữu lợi tức liên quan.*

Như đã đề cập trong Điều 38.B.1, việc xác định hình thức tham nhũng theo Điều 2, 3, 13, 14, 15, 16 Luật số 31 năm 1999 và Điều 5 đến Điều 12 Luật số 20 năm 2001, bị can có nghĩa vụ giải thích về nguồn gốc của toàn bố tài sản của mình. Do đó, Khoản 2 đã tái khẳng định rõ ràng rằng nếu bị can không chứng minh được tài sản có nguồn gốc hợp pháp thì sẽ bị coi là có nguồn gốc tham nhũng. Thẩm phán có thẩm quyền ra quyết định tài sản sẽ bị tịch thu toàn phần hoặc một phần về Nhà nước (Điều 38.B.2). Điều luật đã thúc đẩy cơ chế hoàn trả tài sản quốc gia thông qua việc thiết lập nghĩa vụ nghĩa vụ chứng minh của bị can về nguồn gốc tài sản. Việc tịch thu tài sản do công tố viên chịu trách nhiệm sau khi việc kết án được hoàn tất.

Điều 38.C Luật chống tham nhũng giải thích nếu Tòa án ra quyết định đã được củng cố về mặt pháp lý và khẳng định tài sản hiện có của người bị kết án là tài sản tham nhũng mà chưa bị tịch thu về nhà nước, Nhà nước sẽ khởi kiện dân sự đối với người bị kết án để tịch thu tài sản đó.

Việc thành lập Trung tâm Thu hồi Tài sản theo Quy tắc của Tổng chưởng lý số 9 năm 2019 về việc sửa đổi Quy tắc của Tổng chưởng lý số Per-027/A/JA/10/2014 về Chỉ thị Thu hồi Tài sản phải được các cơ quan thực thi pháp luật đẩy mạnh. Lại một lần nữa, việc coi cơ quan thực thi hình sự không chỉ hướng đến việc trừng phạt người phạm tội mà còn là sự tuân thủ nguyên tắc của *Dominus Litis*, rằng nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan công tố là truy tố và thực thi. Quy tắc này của Tổng chưởng lý đã đặt ra tiêu chuẩn cho cơ quan công tố trong việc xử lý tài sản thu hồi (không cụ thể là tài sản tham nhũng) và nỗ lực tạo ra Hệ thống Thu hồi tài sản hiệu quả, minh bạch và giải trình, được thực hiện thông qua việc tuân thủ Quản trị tốt với sự giám sát của xã hội về tính minh bạch, trách nhiệm và giải trình. Hơi tiếc khi điều này chưa được phổ cập với các cơ quan có nghĩa vụ thu hồi tài sản bất hợp pháp. Indonesia vẫn đang soạn thảo Bộ luật về tịch thu tài sản bất hợp pháp sẽ được mọi cơ quan thực thi.

**Tổng kết việc thu hồi tài sản trong thực tiễn các vụ án tham nhũng nổi tiếng: Khắc phục hạn chế**

Tài sản đến từ hành vi tham nhũng ngoại quốc rất khó để thực thi. Những nỗ lực thu hồi tài sản từ nước ngoài gặp nhiều khó khăn. Một trong những rào cản là một quốc gia nắm giữ tài sản của nhà nước khác từ kết quả của tham nhũng là trách nhiệm bên ngoài trong việc thực hiện chủ quyền của một quốc gia để duy trì quan hệ của mình với các quốc gia khác.

Yunus Husein[[14]](#footnote-14) (cựu giám đốc INTRAC) trong bài thuyết trình đã đưa ra thông tin về hạn chế của việc thu hồi tài sản tối ưu hóa như sau:

* Lượng tài sản thay thế tiền được phát hiện còn rất ít
* Luật hỗ trợ thu hồi tài sản chưa được thực thi tối ưu hóa, ví dụ như Luật chống rửa tiền và các quy định về đảo ngược nghĩa vụ chứng minh đối với tài sản bất hợp pháp (Điều 77-78 Luật chống rửa tiền và Điều 38.B Luật chống tham nhũng)
* Theo dấu, niêm phong và hoàn trả tài sản chưa được thực thi triệt để
* Chất lượng Tương trợ tư pháp (MLA) chưa đủ tốt, thời gian xử lý (thời gian phản hồi yêu cầu là sau 6 tháng), tỷ lệ thành công còn thấp, hợp tác giữa các cơ quan yếu. Tương trợ tư pháp thường bị các quy định về bí mật của ngân hàng kìm hãm.
* Thực thi pháp luật còn yếu kém
* Quản lý tài sản chưa tối ưu (tài sản bị tịch thu không được bảo quản tốt, bị thất lạc, mất, thay thế)
* Đấu giá tài sản chưa thực sự tốt. Việc đấu giá không hướng đến giá công bằng, quy trình chậm.

Dựa trên những phân tích mà Yunus Husein đưa ra ở trên, có thể nói rằng những ràng buộc này phải được loại bỏ để thu hồi tài sản tối đa.

Một số vụ án lớn liên quan đến các vụ án tham nhũng mà tài sản tham nhũng nằm ở nước ngoài. Bản tóm tắt có thể được truy cập trên trang web của ngân hàng thế giới[[15]](#footnote-15). Trong bài viết này, chúng ta có thể học hỏi từ trường hợp của Hendra Rahardja, Chủ tịch/Giám đốc điều hành của PT. Ngân hàng Harapan Sentosa, một trong những ngân hàng nhận được gói cứu trợ từ Hỗ trợ thanh khoản của Ngân hàng Indonesia. Quyền tài phán của tài sản nằm ở Úc và Hồng Kông. Hendra Rahardja là một kẻ đào tẩu sau khi Tòa án ở Indonesia ra quyết định rằng anh ta đã thực hiện hành vi tham nhũng, và chết ở Úc (năm 2003). Quá trình thu hồi tài sản (cho một ngân hàng ở Úc) được bắt đầu vào năm 1998 và kết thúc vào năm 2008. Trong ghi chú của mình, Ngân hàng Thế giới đã đưa ra phân tích rằng các yếu tố góp phần vào việc Thu hồi tài sản là quyết định của tòa án Úc lưu ý rằng Chính phủ Hồng Kông đã cung cấp bằng chứng theo yêu cầu của Hiệp ước Tương trợ Tư pháp của Úc. Tình trạng thu hồi tài sản đã hoàn tất. Theo Phán quyết ngày 1 tháng 3 năm 2005 của Tòa án Tối cao New South Wales của Úc, “những tội ác của Rahardja đã gây thiệt hại cho Ngân hàng Trung ương Indonesia 390 triệu đô la Úc, trong đó khoảng 38,5 triệu đô la Úc đã đến tay Úc”. Trang web của Bộ trưởng Tư pháp Australia lưu ý rằng trong khuôn khổ chương trình chia sẻ Công bằng của Australia được thành lập theo các điều khoản của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng cũng như số tiền thu được từ Đạo luật tội phạm của Australia, 493.647,07 USD đã được cung cấp cho Chính phủ Indonesia để được hỗ trợ trong vấn đề Hendra Rahardja.

Trong khi tài sản của tội phạm nằm ở Hong Kong gặp khó khăn. Theo Trung tâm Thu hồi Tài sản Quốc tế, vào tháng 2 năm 2009, một quan chức của “Bộ Tư pháp Hồng Kông” sẽ chỉ xác nhận rằng 3 triệu ISD đã bị phong tỏa ở Hồng Kông, bất chấp báo chí đưa tin về số tiền lớn hơn được che giấu trong nền tài phán đó ”. Thật không may, vào thời điểm vụ án xảy ra ở Indonesia, Hong Kong và Indonesia không có Hiệp ước tương trợ tư pháp song phương. Indonesia và Hồng Kông đã ký một hiệp ước vào năm 2008. Việc thiếu hiệp ước Tương trợ Tư pháp giữa hai khu vực tài phán được trích dẫn là một trong những lý do khiến Úc đóng vai trò trung gian.

Trong quá trình thu hồi tài sản thất thoát tài chính nhà nước trong trường hợp của Hendra Rahardja, có một trở ngại liên quan đến yêu cầu chia sẻ từ Hồng Kông. Theo người chịu trách nhiệm của công ty săn tài sản, Muchtar Arifin[[16]](#footnote-16), vấn đề pháp lý liên quan đến tài sản của Hendra Rahardja là quyết định cuối cùng. Đó là vì tòa án ở Úc đã tuyên bố rằng tài sản của Hendra Rahardja phải được trả lại cho Chính phủ Indonesia. Nhưng đảng Hồng Kông đã yêu cầu một phần.

Từ trường hợp tham nhũng của Hendra Rahardja, vấn đề thu hồi tài sản là khó khăn. Nó cần có thiện chí từ cả Bang nạn nhân và Bang nơi có tài sản. Nó cần phải hết sức tôn trọng rằng nhau phải hỗ trợ và chung tay xóa bỏ tham nhũng.

**Tiểu kết**

Cần phải nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thu hồi tài sản cùng với việc phòng ngừa và xóa bỏ tham nhũng. UNCAC đã đề cập đến thu hồi tài sản. Quy trình thu hồi tổn thất của ngân sách nhà nước do tham nhũng thông qua con đường luật hình sự chưa hiệu quả mặc dù đã đặt ra các quy định. Vấn đề nằm ở chỗ thiệt hại ngân sách nhà nước và tài sản thu hồi chưa cân xứng. Như vậy, một chiến lược pháp lý hiệu quả hơn cần phải được xem xét, cùng với các bước hợp tác và hài hòa các mối quan hệ giữa cơ quan thực thi pháp luật trong nước và quốc tế, cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ và tất cả các bên.

**Tài liệu tham khảo**

Atmasasmita, Romli. 2018. *Rekonstruksi Asas Tiada Pidana Tanpa Kesalahan* ***Geen Straf Zonder Schuld****.* Jakarta: Gramedia Pustaka Utama

Atmasasmita, Romli, and Kodrat Wibowo. 2016. *Analisis Ekonomi Mikro Tentang Hukum Pidana Indonesia*. Jakarta: Prenadamedia Group

Muladi, and Diah Sulistiyani RS. 2020. *Catatan Empat Dekade Perjuangan Turut Mengawal KUHP Nasional (Bagian I, 1980-2020)*. Semarang: Universitas Semarang Press

“ICW sebut pemidanaan Koruptor di Tahun 2019 masih lemah” <https://nasional.kompas.com/read/2020/04/19/23531171/icw-sebut-pemidanaan-koruptor-di-2019-masih-lemah>, retrieved date: November 9th, 2020

“Penyitaan Aset Hendra Rahardja Terganjal Uang Komisi”, article, <https://www.republika.co.id/berita/breaking-news/nasional/08/12/26/22558-penytaaan-aset-hendra-rahardja-terganjal-uang-komisi>, 26th of December 2008, retrieved date: November 9th, 2020

https://star.worldbank.org

<https://worldjusticeproject.org/sites/default/files/documents/WJP-ROLI-2020-Online_0.pdf>, retrieved date November 9th, 2020

<https://www.kpk.go.id/images/pdf/Laporan-Tahunan-KPK-2019-Bahasa.pdf>, retrieved date: November 9th, 2020

<https://www.transparency.org/en/countries/indonesia>, retrieved date: November 8th, 2020

Husein, Yunus. *“Pengembalian Aset Hasil Tindak Pidana (Asset Recovery) and Corporate Criminal Liability”*, **Powerpoint presentation**, STIH Jentera, Jakarta, 22 February 2017

Infografik: 7 kasus korupsi dengan kerugian terbesar di Indonesia”, <https://www.kompas.com/tren/read/2020/01/18/090500465/infografik-7-kasus-korupsi-dengan-kerugian-terbesar-di-indonesia>, retrived date: November 9th, 2020

Rustam, ***Asset Recovery: Hasil Tindak Pidana Korupsi***, Opini Cendekia (n.d.).Rustam, p,18

Yusuf, M. *“Implementasi dan Pengaturan Illicit Enrichment Dalam Delik Korupsi”*, **Powerpoint presentation**, presented in National Workshop “Kajian Penerapan UNCAC di Indonesia – implementasi dan Pengaturan Illicit Enrichment Dalam Delik Korupsi”, Jakrat 18th of February 2014

1. \* Email: lisanawatigo@gmail.com [↑](#footnote-ref-1)
2. [↑](#footnote-ref-2)
3. [↑](#footnote-ref-3)
4. Romli Atmasasmita and Kodrat Wibowo. 2016. **Analisis Ekonomi Mikro Tentang Hukum Pidana Indonesia**. Jakarta: Prenadamedia Group, p. 208. [↑](#footnote-ref-4)
5. Muladi and Diah Sulistiyani RS. 2020. **Catatan Empat Dekade Perjuangan Turut Mengawal KUHP Nasional (Bagian I, 1980-2020)**. Semarang: Universitas Semarang Press, p. 204. [↑](#footnote-ref-5)
6. Infografik: 7 kasus korupsi dengan kerugian terbesar di Indonesia”, <https://www.kompas.com/tren/read/2020/01/18/090500465/infografik-7-kasus-korupsi-dengan-kerugian-terbesar-di-indonesia>, retrieved date: November 9th, 2020. [↑](#footnote-ref-6)
7. Romli Atmasasmita. 2018. **Rekonstruksi Asas Tiada Pidana Tanpa Kesalahan *Geen Straf Zonder Schuld***. Jakarta: Gramedia Pustaka Utama, p. 133. [↑](#footnote-ref-7)
8. **Ibid**, p. 134. [↑](#footnote-ref-8)
9. “ICW sebut pemidanaan Koruptor di Tahun 2019 masih lemah” <https://nasional.kompas.com/read/2020/04/19/23531171/icw-sebut-pemidanaan-koruptor-di-2019-masih-lemah>, retrieved date: November 9th, 2020 [↑](#footnote-ref-9)
10. <https://www.kpk.go.id/images/pdf/Laporan-Tahunan-KPK-2019-Bahasa.pdf>, retrieved date: November 9th, 2020. [↑](#footnote-ref-10)
11. Rustam, ***Asset Recovery: Hasil Tindak Pidana Korupsi***, Opini Cendekia (n.d.).Rustam, p,18. [↑](#footnote-ref-11)
12. M. Yusuf. *“Implementasi dan Pengaturan Illicit Enrichment Dalam Delik Korupsi”*, **Powerpoint presentation**, presented in National Workshop “Kajian Penerapan UNCAC di Indonesia – implementasi dan Pengaturan Illicit Enrichment Dalam Delik Korupsi”, Jakrat 18th of February 2014. [↑](#footnote-ref-12)
13. Rustam. ***Op.Cit***, p.19. [↑](#footnote-ref-13)
14. Yunus Husein. *“Pengembalian Aset Hasil Tindak Pidana (Asset Recovery) and Corporate Criminal Liability”*, **Powerpoint presentation**, STIH Jentera, Jakarta, 22 February 2017. [↑](#footnote-ref-14)
15. https://star.worldbank.org [↑](#footnote-ref-15)
16. “Penyitaan Aset Hendra Rahardja Terganjal Uang Komisi”, article, <https://www.republika.co.id/berita/breaking-news/nasional/08/12/26/22558-penytaaan-aset-hendra-rahardja-terganjal-uang-komisi>, 26th of December 2008, retrieved date: November 9th, 2020 [↑](#footnote-ref-16)